

Số: /QĐ-UBND

Cát Hải, ngày tháng năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Danh mục hồ sơ**  
**của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải năm 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21/6/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ; Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2022/TT-BNV ngày 19 tháng 12 năm 2022 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn bảo quản hồ sơ, tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức; Thông tư số 02/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định thời gian lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; Thông tư số 03/2025/TT-BKHCN ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Khoa học và Công nghệ; Thông tư số 07/2025/TT-BXD ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Xây dựng quy định thời gian lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 08/2025/TT-BNV ngày 6 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định thời hạn lưu trữ hồ sơ, tài liệu thuộc lĩnh vực Nội vụ; Thông tư số 01/2025/TT-TTCT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Thanh tra Chính phủ quy định thời gian lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành thanh tra; Thông tư số 33/2025/TT-BYT ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y tế quy định thời gian lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành y tế; Thông tư số 74/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 7 năm 2025 của Bộ Tài chính quy định thời gian lưu trữ hồ sơ, tài liệu ngành Tài chính.*

*Xét đề nghị của Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục hồ sơ của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải năm 2025.

**Điều 2.** Quyết định này thay thế Quyết định số 1267/QĐ-UBND ngày 11/9/2025 của UBND đặc khu Cát Hải và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND và UBND đặc khu, Trưởng phòng Văn hóa - Xã hội, Trưởng phòng Kinh tế, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- CT và các PCT UBND đặc khu;
- Phòng Văn hóa - Xã hội đặc khu;
- C,PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Lưu: VT, VHXX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Phan Viết Điện**

# DANH MỤC MẪU HỒ SƠ, TÀI LIỆU CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THUỘC NGUỒN NỘP LƯU VÀO LƯU TRỮ

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của UBND đặc khu Cát Hải)

## Phần thứ nhất HƯỚNG DẪN VẬN DỤNG BẢN DANH MỤC

### I. Mục đích, phạm vi vận dụng của bản danh mục

#### 1. Mục đích

Bản danh mục được dùng làm căn cứ để đặc khu Cát Hải chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị là nguồn nộp lưu thực hiện nhằm bảo đảm thu thập đầy đủ, chính xác hồ sơ, tài liệu lưu trữ hình thành trong quá trình hoạt động của các cơ quan, đơn vị.

Các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm lập, quản lý và nộp hồ sơ, tài liệu vào lưu trữ theo quy định của Luật Lưu trữ.

#### 2. Đối tượng và phạm vi ứng dụng

Được áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu vào lưu trữ.

Được vận dụng để xem xét, lựa chọn hồ sơ, tài liệu hành chính nhà nước có giá trị bảo quản lâu dài, vĩnh viễn của các cơ quan, đơn vị thuộc nguồn nộp lưu.

### II. Cấu tạo của bản Danh mục mẫu

Thành phần tài liệu được thống kê trong danh mục được sắp xếp theo nhóm tài liệu của từng cơ quan, đơn vị, bao gồm tài liệu của các phòng chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công. Tài liệu là nguồn nộp lưu vào lưu trữ bao gồm hai nhóm:

- Tài liệu quản lý nhà nước của từng lĩnh vực, từng cơ quan, đơn vị.
- Tài liệu hình thành trong quá trình giải quyết công việc chuyên môn của từng cơ quan, đơn vị.

Hai nhóm tài liệu này được thống kê riêng theo từng cơ quan, đơn vị cụ thể.

### III. Một số lưu ý

1. Bản Danh mục này không liệt kê chi tiết, cụ thể tất cả các loại hồ sơ, tài liệu mà chỉ đưa ra các hồ sơ, nhóm hồ sơ mẫu chủ yếu cần nộp lưu. Trong quá trình lập hồ sơ công việc và tiến hành nộp lưu, các cơ quan, đơn vị phải xem xét cụ thể các loại văn bản, tài liệu hình thành trong thực tế theo dõi giải quyết công việc để lựa chọn đưa vào danh mục những hồ sơ có giá trị.

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có hồ sơ phát sinh ngoài danh mục đã nêu tại Quyết định này, thì cá nhân, đơn vị có trách nhiệm bổ sung kịp thời vào Danh mục hồ sơ của đơn vị.

3. Thành phần tài liệu nộp lưu liệt kê trong bản danh mục này là căn cứ cơ bản để các cơ quan, đơn vị xác định cụ thể những hồ sơ, tài liệu có giá trị thuộc diện phải nộp lưu vào lưu trữ.

4. Những tài liệu khác không được đề cập, liệt kê trong danh mục, các đơn vị có trách nhiệm lưu trữ theo thời hạn và theo nhu cầu sử dụng. Những hồ sơ, tài liệu này khi hết hạn bảo quản cần được tiến hành xác định lại giá trị để đưa vào bảo quản những hồ sơ, tài liệu còn giá trị và tiêu hủy những tài liệu hết giá trị.

**Phần thứ hai**  
**DANH MỤC HỒ SƠ, TÀI LIỆU CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
**NĂM 2025**

| Số và ký hiệu hồ sơ                                              | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                        | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                    | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 1                                                                | 2                                                                                                                                                                                                                  | 3                 | 4                                                  | 5       |
| <b>CÁC PHÒNG CHUYÊN MÔN VÀ TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG</b> |                                                                                                                                                                                                                    |                   |                                                    |         |
| <b>I. LĨNH VỰC PHÒNG KINH TẾ</b>                                 |                                                                                                                                                                                                                    |                   |                                                    |         |
| 1. TC-KH                                                         | Hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND, quyết định của UBND liên quan đến lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch và các văn bản khác liên quan đến xây dựng dự toán, quyết toán tài chính ngân sách của Ủy ban nhân dân đặc khu. | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung<br>Nguyễn Thị Hà                    |         |
| 2. TC-KH                                                         | Hồ sơ xây dựng kế hoạch, chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ phát triển ngành, lĩnh vực Tài chính - Kế hoạch trên địa bàn đặc khu.                                                              | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung<br>Nguyễn Văn Tuấn<br>Nguyễn Thị Hà |         |
| 3. TC-KH                                                         | Hồ sơ hướng dẫn các cơ quan, đơn vị dự toán thuộc đặc khu xây dựng dự toán ngân sách hằng năm; xây dựng trình UBND đặc khu dự toán ngân sách theo hướng dẫn của Sở Tài chính                                       | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Hà<br>Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa  |         |
| 4. TC-KH                                                         | Hồ sơ phân bổ, bổ sung, điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước hằng năm cho các cơ quan, đơn vị                                                                                                                     |                   |                                                    |         |
|                                                                  | - Của cơ quan ban hành                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Hà<br>Trần Thùy Dung                    |         |
|                                                                  | - Của cơ quan khác gửi đến                                                                                                                                                                                         | 30 năm            | Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa                   |         |
| 5. TC-KH                                                         | Hồ sơ quản lý cấp phát tài chính hằng năm cho các đối tượng thuộc phạm vi quản lý                                                                                                                                  | 15 năm            | Nguyễn Thị Hà                                      |         |
| 6. TC-KH                                                         | Hồ sơ hướng dẫn, kiểm tra tình hình thực hiện dự toán thu, chi ngân sách của các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý                                                                                          | 20 năm            | Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa                   |         |
| 7. TC-KH                                                         | Báo cáo về phương án phân bổ, sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm và cắt giảm dự toán chi thường xuyên ngân sách trung ương, địa phương hằng năm                                                                     | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Hà                                      |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                                                             | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3                 | 4                                                                                                           | 5       |
| 8.TC-KH             | Báo cáo công khai dự toán, quyết toán ngân sách nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                   |                                                                                                             |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10 năm            | Trần Thùy Dung                                                                                              |         |
|                     | - Của các cơ quan, đơn vị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 05 năm            | Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa                                                                            |         |
|                     | - Của cơ quan tài chính địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 05 năm            | Nguyễn Thị Hà                                                                                               |         |
| 9.TC-KH             | Sổ sách theo dõi, quản lý về tài chính - ngân sách của cơ quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 10 năm            | Trần Thùy Dung                                                                                              |         |
| 10.TC-KH            | Hồ sơ trao đổi, tham gia ý kiến về công tác quản lý tài chính, ngân sách                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 10 năm            | Nguyễn Thị Hà<br>Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa                                                           |         |
| 11.TC-KH            | Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước 15 ngày, hằng tháng, 06 tháng, quý 09 tháng, năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                   |                                                                                                             |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 10 năm            | Trần Thùy Dung                                                                                              |         |
|                     | - Của các cơ quan, đơn vị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 05 năm            | Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa                                                                            |         |
|                     | - Của cơ quan tài chính địa phương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 05 năm            | Nguyễn Thị Hà                                                                                               |         |
|                     | Báo cáo quyết toán ngân sách, tài chính hằng năm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn         |                                                                                                             |         |
| 12.TC-KH            | Hồ sơ thẩm tra quyết toán các dự án đầu tư do đặc khu quản lý; lập quyết toán thu, chi ngân sách đặc khu; tổng hợp, lập báo cáo quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đặc khu và quyết toán thu, chi ngân sách đặc khu báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu để trình Hội đồng nhân dân đặc khu phê chuẩn và gửi Sở Tài chính thẩm định quyết toán ngân sách theo quy định;<br>Tổ chức thẩm tra, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu phê duyệt quyết toán đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu. Thẩm tra, phê duyệt quyết toán các dự án, công trình sử dụng nguồn chi thường xuyên do ngân sách đặc khu quản lý | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung<br>Vũ Thanh Tuấn<br>Nguyễn Văn Tuấn<br>Nguyễn Thị Hà<br>Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Thị Minh Thoa |         |
| 13.TC-KH            | Hồ sơ quản lý tài sản nhà nước tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc cấp đặc khu quản lý theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính. Thẩm định, trình Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định theo thẩm quyền việc mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản nhà nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |                                                                                                             |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Vĩnh viễn         | Trần Thùy Dung                                                                                              |         |
|                     | - Của các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 10-20 năm         | Tô Thị Ngọc Anh<br>Bùi Minh Thoa                                                                            |         |
| 14.TC-KH            | Hồ sơ Quản lý nguồn kinh phí được ủy quyền của cấp trên; quản lý các dịch vụ tài chính theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn         | Trần Thùy Dung<br>Nguyễn Thị Hà                                                                             |         |
| 15.TC-KH            | Hồ sơ Quản lý giá theo quy định của Ủy ban nhân dân thành phố; kiểm tra việc chấp hành niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các tổ chức, cá nhân kinh doanh hoạt động trên địa bàn; tổ chức thực hiện đăng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 10 năm            | Nguyễn Thị Thu Trang                                                                                        |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                   | Ghi chú |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3                 | 4                                 | 5       |
|                     | ký giá, kê khai giá theo phân công, phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và theo quy định của pháp luật; chủ trì thực hiện thẩm định giá đối với tài sản nhà nước tại địa phương theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                                   |         |
| 16.TC-KH            | Hồ sơ tổ chức nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý tài chính và chuyên môn nghiệp vụ được giao.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 20 năm            | Nguyễn Thị Hà                     |         |
| 17.TC-KH            | Tổng hợp kết quả kiến nghị của thanh tra, kiểm toán về lĩnh vực tài chính ngân sách báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 20 năm            | Nguyễn Thị Hà                     |         |
| 18.TC-KH            | Hướng dẫn và tổ chức thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong sử dụng ngân sách, tài chính công theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn         | Tô Thị Ngọc Anh                   |         |
| 19.TC-KH            | Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra việc thi hành pháp luật tài chính, đầu thầu; giúp Ủy ban nhân dân đặc khu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài chính, kế hoạch theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 10-20 năm         | Đoàn Thế Chung<br>Nguyễn Thị Hà   |         |
| 20.TC-KH            | Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu các chương trình, danh mục, dự án đầu tư trên địa bàn; thẩm định và chịu trách nhiệm về dự án, kế hoạch đầu tư trên địa bàn thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu; thẩm định và chịu trách nhiệm về nội dung các văn bản trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định đầu tư; thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm, kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển, kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Ủy ban nhân dân đặc khu làm chủ đầu tư. | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung<br>Vũ Thanh Tuấn   |         |
| 21.TC-KH            | Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách, các quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về lĩnh vực kế hoạch và đầu tư trên địa bàn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung<br>Vũ Thanh Tuấn   |         |
| 22.TC-KH            | Cung cấp thông tin, xúc tiến đầu tư, phối hợp với các phòng chuyên môn, nghiệp vụ có liên quan tổ chức vận động các nhà đầu tư nước và liên doanh đầu tư vào địa bàn huyện; hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, công chức được phân công hoặc kiêm nhiệm làm công tác kế hoạch các xã, thị trấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20 năm            | Đoàn Thế Chung<br>Nguyễn Văn Tuấn |         |
| 23.TC-KH            | Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giám sát và đánh giá đầu tư; kiểm tra việc thi hành pháp luật về kế hoạch và đầu tư trên địa bàn; giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 20 năm            | Đoàn Thế Chung<br>Vũ Thanh Tuấn   |         |
| 24.TC-KH            | Về doanh nghiệp, kinh tế tập thể, hợp tác xã, kinh tế tư nhân:<br><br>- Cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cho các tổ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Thu Trang              |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                    | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3                 | 4                                  | 5       |
|                     | <p>chức kinh tế tập thể và hộ kinh doanh cá thể và đăng ký hợp tác xã, kinh tế tư nhân trên địa bàn theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Tổng hợp theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện các chương trình, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân và hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, trên địa bàn;</p> <p>- Trực tiếp kiểm tra hộ kinh doanh theo nội dung trong hồ sơ đăng ký trên phạm vi địa bàn; phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra doanh nghiệp; xác minh nội dung đăng ký doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trên phạm vi địa bàn theo yêu cầu của Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Tài chính thành phố Hải Phòng;</p> <p>- Định kỳ lập báo cáo theo hướng dẫn của Bộ Tài chính gửi các Sở, ngành liên quan và Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Bộ Tài chính.</p> |                   |                                    |         |
| 25.TC-KH            | Thực hiện chế độ thông tin báo cáo định kỳ và đột xuất về tài chính, ngân sách, đầu tư, giá thị trường với Ủy ban nhân dân đặc khu và Sở Tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20 năm            | Đoàn Thế Chung                     |         |
| 26.TC-KH            | Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức có liên quan kiểm tra việc thi hành pháp luật tài chính; giúp Ủy ban nhân dân đặc khu giải quyết các tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về tài chính theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung                     |         |
| 27.TC-KH            | Quản lý và chịu trách nhiệm về cán bộ, công chức, tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và theo phân công hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung                     |         |
| 28.TC-KH            | Thực hiện các nhiệm vụ khác về quản lý nhà nước trong lĩnh vực tài chính, kế hoạch và đầu tư theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu và theo quy định của pháp luật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn         | Đoàn Thế Chung                     |         |
| 29.KHAC             | Tập lưu văn bản đi của phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 20 năm            | Đinh Văn Tú                        |         |
| 30.KHAC             | Sổ đăng ký văn bản đi của phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 20 năm            | Đinh Văn Tú                        |         |
| 31.KHAC             | Sổ đăng ký văn bản đến của phòng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 20 năm            | Đinh Văn Tú                        |         |
| 32.XD-CT            | Hồ sơ thẩm định, đăng ký, cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm rượu, bán rượu tiêu dùng tại chỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 05 năm            | Nguyễn Thị Phương Thảo             |         |
| 33.XD-CT            | Hồ sơ thẩm định cấp đổi bổ sung Giấy phép sản xuất rượu thủ công nhằm mục đích kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 05 Năm            | Nguyễn Thị Phương Thảo             |         |
| 34.XD-CT            | Hồ sơ thẩm định, đăng ký, cấp giấy phép kinh doanh bán lẻ sản phẩm thuốc lá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 05 Năm            | Nguyễn Thị Phương Thảo             |         |
| 35.XD-CT            | Hồ sơ thẩm định, đăng ký, cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 10 Năm            | Nguyễn Thị Phương Thảo             |         |
| 36.XD-CT            | Tài liệu quản lý nhà nước về công tác PCCC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20 Năm            | Nguyễn Bá Thành, Hà Thanh Hoàn     |         |
| 37.XD-CT            | Tài liệu quản lý nhà nước về một số hoạt động thuộc lĩnh vực công thương                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 20 Năm            | Nguyễn Bá Thành, Nguyễn Thị Phương |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                                                                                                                | Ghi chú |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3                 | 4                                                                                                                                                              | 5       |
|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                   | Thảo                                                                                                                                                           |         |
| 38.XD-CT            | Tài liệu quản lý nhà nước về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp đặc khu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 20 Năm            | Nguyễn Bá Thành,<br>Nguyễn Thị Phương Thảo                                                                                                                     |         |
| 39.XD-CT            | Tài liệu quản lý nhà nước về lĩnh vực chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 20 Năm            | Nguyễn Bá Thành,<br>Nguyễn Thị Phương Thảo                                                                                                                     |         |
| 40.XD-CT            | Hồ sơ quản lý nhà nước về giao thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 20 Năm            | Hà Thanh Hoàn                                                                                                                                                  |         |
| 41.XD-CT            | Hồ sơ quy hoạch                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Niên hạn          | Trương trung Thủy                                                                                                                                              |         |
| 42.XD-CT            | Hồ sơ xây dựng, cấp phép xây dựng, xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 20 năm            | Nguyễn Bá Thành,<br>Trương Trung Thủy                                                                                                                          |         |
| 43. NN-MT           | Hồ sơ Trình Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành nghị quyết, quyết định, quy hoạch, kế hoạch phát triển trung hạn và hàng năm về lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền ban hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu; chương trình, biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân đặc khu | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Phạm Thị Thu Khanh<br>Lưu Quốc Hiệu                                                                                                      |         |
| 44. NN-MT           | Hồ sơ Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu/Phó Chủ tịch UBND đặc khu được giao phụ trách các dự thảo quyết định và các văn bản khác về tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu.                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Phạm Thị Thu Khanh<br>Lưu Quốc Hiệu                                                                                                      |         |
| 45. NN-MT           | Hồ sơ tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình và các văn bản khác về lĩnh vực tài nguyên và môi trường sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi công tác thi hành pháp luật về tài nguyên và môi trường theo quy định pháp luật.                                                                    | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Phạm Thị Thu Khanh<br>Lưu Quốc Hiệu                                                                                                      |         |
| 46. NN-MT           | Hồ sơ về giải quyết đơn thư                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Phạm Thị Thu Khanh<br>Đặng Hoàng Hương<br>Đào Trọng Hoàng<br>Phan Lương Tuyền<br>Đoàn Lê Mai<br>Đoàn Hoàng Linh<br>Nguyễn Thị Mai Phương |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                                                          | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3                 | 4                                                                                                        | 5       |
|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   | Vũ Thị Kim Oanh<br>Hà An Khánh<br>Trần Quang Vinh<br>Trần Anh Dũng<br>Đỗ Đức Trung<br>Phạm Thị Thúy Hằng |         |
| 47. NN-MT           | Hồ sơ Tham mưu Ủy ban nhân dân đặc khu lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đặc khu và tổ chức thực hiện sau khi được phê duyệt;                                                                                                                                                                                                                      | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Đào Trọng Hoàng                                                                    |         |
| 48. NN-MT           | Hồ sơ về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho các đối tượng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu.                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn         | Đoàn Lê Mai<br>Đoàn Hoàng Linh<br>Nguyễn Thị Mai Phương<br>Hà An Khánh<br>Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn      |         |
| 49. NN-MT           | Hồ sơ Tham gia xác định giá đất, mức thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất của địa phương; tổ chức thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy định của pháp luật; tham mưu giúp Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định trưng dụng đất, gia hạn trưng dụng đất; tham mưu giúp Ủy ban nhân dân đặc khu trong công tác đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn theo quy định. | Vĩnh viễn         | Đoàn Lê Mai<br>Hà An Khánh                                                                               |         |
| 50. NN-MT           | Hồ sơ Thực hiện các biện pháp bảo vệ chất lượng tài nguyên nước, nguồn nước sinh hoạt tại địa phương; điều tra, thống kê, tổng hợp và phân loại giếng phải trám lấp;                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn         | Đào Trọng Hoàng                                                                                          |         |
| 51. NN-MT           | Hồ sơ Phối hợp tổ chức đăng ký hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước theo thẩm quyền.                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn         | Đào Trọng Hoàng                                                                                          |         |
| 52. NN-MT           | Hồ sơ Thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến việc cho thuê đất hoạt động khoáng sản, sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các vấn đề khác có liên quan cho tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật;                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh                                                                                       |         |
| 53. NN-MT           | Hồ sơ thực hiện các biện pháp bảo vệ khoáng sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh                                                                                       |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                           | Ghi chú |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3                 | 4                                                         | 5       |
|                     | chưa khai thác, tài nguyên thiên nhiên khác theo quy định của pháp luật;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                   |                                                           |         |
| 54. NN-MT           | Hồ sơ Đề xuất việc huy động các lực lượng trên địa bàn để giải tỏa, ngăn chặn hoạt động khoáng sản trái phép; báo cáo Ủy ban nhân dân đặc khu về tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn theo quy định của pháp luật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh                                        |         |
| 55.NN-MT            | Hồ sơ thực hiện cấp Giấy phép môi trường, kế hoạch phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường trên địa bàn; tham mưu cho Ủy ban nhân dân đặc khu quản lý nhà nước về ứng phó sự cố chất thải; tổ chức kiểm tra, đánh giá nguy cơ xảy ra sự cố chất thải; tổ chức ứng phó sự cố chất thải, cải tạo phục hồi môi trường sau sự cố chất thải trên địa bàn theo quy định của pháp luật;                                                                                                                                                                                                                                       | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền<br>Đào Trọng Hoàng |         |
| 55. NN-MT           | Hồ sơ Tổ chức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải công nghiệp theo quy định của pháp luật đối với các cơ sở thuộc diện quản lý trên địa bàn; xây dựng báo cáo công tác bảo vệ môi trường; tham gia lập báo cáo hiện trạng môi trường theo định kỳ; tham mưu tổ chức thực hiện thống kê, báo cáo kết quả chỉ tiêu thống kê về môi trường; thực hiện công tác bảo vệ môi trường làng nghề, các cụm công nghiệp, khu du lịch trên địa bàn theo phân công của Ủy ban nhân dân đặc khu và theo quy định của pháp luật; thu thập, quản lý lưu trữ dữ liệu về môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn; | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền<br>Đào Trọng Hoàng |         |
| 56. NN-MT           | Hồ sơ Triển khai các hoạt động bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn quản lý theo quy định của pháp luật.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền                    |         |
| 57. NN-MT           | Hồ sơ Thực hiện các biện pháp bảo vệ tài nguyên biển và hải đảo chưa khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền<br>Đào Trọng Hoàng |         |
| 58. NN-MT           | Hồ sơ Thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân đặc khu quyết định việc giao, công nhận, cho phép trả lại khu vực biển để nuôi trồng thủy sản; gia hạn, sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển để nuôi trồng thủy sản; thu hồi khu vực biển để nuôi trồng thủy sản; quản lý việc sử dụng khu vực biển thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu;                                                                                                                                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền<br>Đào Trọng Hoàng |         |
| 59. NN-MT           | Hồ sơ Bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển thuộc địa bàn; phối hợp với cơ quan, tổ chức bảo vệ hệ thống quan trắc, giám sát tài nguyên, môi trường biển và hải đảo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền                    |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                           | Ghi chú |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3                 | 4                                                         | 5       |
|                     | trên địa bàn thuộc phạm vi quản lý;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                   | Đào Trọng Hoàng                                           |         |
| 60. NN-MT           | Hồ sơ Tham gia ứng phó, khắc phục sự cố tràn dầu, hóa chất độc trên biển; theo dõi, phát hiện và tham gia giải quyết sự cố gây ô nhiễm môi trường biển, sạt, lở bờ biển.                                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Thu Khanh<br>Phan Lương Tuyền<br>Đào Trọng Hoàng |         |
| 61. NN-MT           | Hồ sơ Tham gia quản lý mốc đo đạc theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước khác về đo đạc và bản đồ theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên.                                                                                                                                                        | Vĩnh viễn         | Đào Trọng Hoàng                                           |         |
| 62.NN-MT            | Hồ sơ Tham gia xây dựng, cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của thành phố; tổ chức thực hiện kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn; tổ chức thực hiện các chương trình, nhiệm vụ, dự án về biến đổi khí hậu theo phân công của Ủy ban nhân dân đặc khu và Sở Tài nguyên và Môi trường.                                     | Vĩnh viễn         | Phan Lương Tuyền                                          |         |
| 63.NN-MT            | Hồ sơ Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về hoạt động khí tượng thủy văn theo phân cấp hoặc ủy quyền của cơ quan quản lý nhà nước cấp trên; tham gia bảo vệ công trình khí tượng thủy văn thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia và trạm khí tượng thủy văn khác trên địa bàn; tham gia giải quyết, xử lý vi phạm về khí tượng thủy văn theo thẩm quyền. | Vĩnh viễn         | Đào Trọng Hoàng                                           |         |
| 64. NN-MT           | Hồ sơ Thẩm định, đăng ký, cấp các loại giấy phép về tài nguyên và môi trường theo quy định của pháp luật và theo phân công, phân cấp hoặc ủy quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu.                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương                                        |         |
| 65. NN-MT           | Hồ sơ theo dõi, kiểm tra các tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên và môi trường; tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân đặc khu.                                                                                         | Vĩnh viễn         | Đặng Hoàng Hương                                          |         |
| 66. NN-MT           | Hồ sơ Giúp Ủy ban nhân dân đặc khu quản lý tổ chức và hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân đặc khu.                                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Phạm Thị Thu Khanh<br>Lưu Quốc Hiệu |         |
| 67. NN-MT           | Hồ sơ Giúp Ủy ban nhân dân đặc khu tổ chức tập huấn, bồi dưỡng và hướng dẫn, kiểm tra về chuyên                                                                                                                                                                                                                                                                         | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương                                        |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                  | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                  | Ghi chú |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                            | 3                 | 4                                                                | 5       |
|                     | môn, nghiệp vụ quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường đối với công chức chuyên môn về tài nguyên và môi trường .                                                                       |                   | Phạm Thị Thu Khanh<br>Luu Quốc Hiệu                              |         |
| 68. NN-MT           | Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu các văn bản về lĩnh vực nông nghiệp và Phát triển nông thôn                                                                                           | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Luu Quốc Hiệu<br>Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn |         |
| 69. NN-MT           | Tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án, tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế - kỹ thuật | Vĩnh viễn         | Nguyễn Việt Phương<br>Luu Quốc Hiệu<br>Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn |         |
| 70. NN-MT           | Tài liệu tuyên truyền, phổ biến pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật về các lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn                                                                   | 20 năm            | Nguyễn Việt Phương<br>Luu Quốc Hiệu<br>Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn |         |
| 71. NN-MT           | Công tác phát triển sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và diêm nghiệp; sản xuất nông nghiệp hữu cơ, ứng dụng công nghệ cao; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi                                | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn; Đoàn Thị<br>Hương Sen                 |         |
| 72.NN-MT            | Công tác phòng, chống thiên tai                                                                                                                                                              |                   | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |
| 73.NN-MT            | Tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật về đề điều và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về đề điều; tổ chức lực lượng quản lý đề nhân dân, lực lượng tuần tra canh gác đề     | Vĩnh viễn         | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |
| 74. NN-MT           | Hồ sơ quyết định theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền quyết định việc huy động lực lượng, vật tư, phương tiện để hộ đề, khắc phục hậu quả do lũ, lụt, bão gây ra đối với đề điều     | Vĩnh viễn         | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |
| 75. NN-MT           | Tổ chức bảo vệ đề điều, các công trình thủy lợi vừa và nhỏ; quản lý mạng lưới thủy nông trên địa bàn                                                                                         | 20 năm            | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |
| 76. NN-MT           | Hồ sơ quản lý công trình nuôi trồng thủy sản                                                                                                                                                 | 20 năm            | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |
| 77.NN-MT            | Hồ sơ quản lý công trình cấp, thoát nước nông thôn; khai thác và sử dụng nước sạch nông thôn;                                                                                                | 20 năm            | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |
| 78. NN-MT           | Hồ sơ quản lý công trình phòng, chống thiên tai                                                                                                                                              | 20 năm            | Luu Quốc Hiệu                                                    |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                 | Ghi chú |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3                 | 4                                                               | 5       |
| 79. NN-MT           | Báo cáo xây dựng và phát triển nông thôn trên địa bàn đặc khu về các lĩnh vực: phát triển kinh tế trang trại, kinh tế tập thể, hợp tác xã và liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; phát triển ngành nghề, làng nghề nông thôn; bảo hiểm nông nghiệp, hỗ trợ phát triển sản xuất và an sinh nông thôn; chế biến nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện công tác định canh, di dân tái định cư trong nông nghiệp, nông thôn. | 20 năm            | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn                                       |         |
| 80.NN-MT            | Thống kê diễn biến đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất diêm nghiệp, mặt nước nuôi trồng thủy sản, diễn biến rừng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn, Đoàn Thị<br>Hương Sen                |         |
| 81. NN-MT           | Thống kê, xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu về thủy lợi;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 20 năm            | Lưu Quốc Hiệu                                                   |         |
| 82. NN-MT           | Tổ chức thực hiện các biện pháp canh tác phù hợp để khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên đất, nước cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và nghề muối.                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20 năm            | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn                                       |         |
| 83. NN-MT           | Quản lý về chất lượng, vật tư nông nghiệp, an toàn thực phẩm nông sản, lâm sản, thủy sản và muối                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 20 năm            | Lưu Quốc Hiệu, Đoàn<br>Thị Hương Sen                            |         |
| 84.NN-MT            | Quản lý các hoạt động dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 20 năm            | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn, Đoàn Thị<br>Hương Sen                |         |
| 85.NN-MT            | Quản lý các hoạt động dịch vụ vật tư nông, lâm nghiệp, thức ăn chăn nuôi, thức ăn thủy sản, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 20 năm            | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn, Đoàn Thị<br>Hương Sen                |         |
| 86. NN-MT           | Quản lý về công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến diêm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Vĩnh viễn         | Lưu Quốc Hiệu, Nguyễn<br>Thị Bình Nguyễn, Đoàn<br>Thị Hương Sen |         |
| 87. NN-MT           | Dự án phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy sản, thủy lợi, phòng, chống thiên tai và phát triển nông thôn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn         | Lưu Quốc Hiệu, Nguyễn<br>Thị Bình Nguyễn, Đoàn<br>Thị Hương Sen |         |
| 88.NN-MT            | Thẩm định, đăng ký, cấp, thu các loại giấy phép thuộc phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   | Lưu Quốc Hiệu, Nguyễn<br>Thị Bình Nguyễn, Đoàn<br>Thị Hương Sen |         |
| 89. NN-MT           | Quản lý nhà nước đối với tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân, các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 20 năm            | Nguyễn Thị Bình<br>Nguyễn                                       |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                            | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                           | Ghi chú |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                      | 3                 | 4                                                         | 5       |
| 90.NN-MT            | Kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về nông nghiệp và phát triển nông thôn đối với các tổ chức, cá nhân | 20 năm            | Lưu Quốc Hiệu, Nguyễn Thị Bình Nguyên, Đoàn Thị Hương Sen |         |
| 91. NN-MT           | Bảo vệ và phát triển rừng                                                                                              | Vĩnh viễn         | Đoàn Thị Hương Sen                                        |         |
| 92.NN-MT            | Xây dựng nông thôn mới, lĩnh vực giảm nghèo                                                                            | Vĩnh viễn         | Lưu Quốc Hiệu, Nguyễn Thị Bình Nguyên                     |         |
| 93. NN-MT           | Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; chống sa mạc hóa                                                            | 20 năm            | Lưu Quốc Hiệu                                             |         |
| 94. NN-MT           | Phòng, chống dịch bệnh trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn                                            | 20 năm            | Lưu Quốc Hiệu                                             |         |

## II. LĨNH VỰC PHÒNG VĂN HÓA VÀ XÃ HỘI

|        |                                                                                                                                    |        |                                     |  |
|--------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|-------------------------------------|--|
| 01.NV  | Tài liệu quản lý nhà nước về công tác nội vụ                                                                                       | 20 năm | Lương Hồng Chung<br>Bùi Dương Bình  |  |
| 02.NV  | Tài liệu về công tác tổ chức bộ máy (phân bổ chỉ tiêu, biên chế; quản lý, sử dụng biên chế hành chính sự nghiệp) của UBND đặc khu  | 20 năm | Lương Hồng Chung<br>Bùi Dương Bình  |  |
| 03. NV | Hồ sơ, tài liệu về việc sắp xếp, sáp nhập thôn, tổ dân phố có quy mô nhỏ để thành lập thôn mới, tổ dân phố mới trên địa bàn        | 20 năm | Hoàng Quốc Chính                    |  |
| 04.NV  | Hồ sơ bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và bầu cử đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026                                          | 20 năm | Hoàng Quốc Chính                    |  |
| 05. NV | Hồ sơ về quy định chức năng, nhiệm vụ, thành lập, sáp nhập, giải thể, đổi tên các cơ quan chuyên môn, đơn vị sự nghiệp trực thuộc. | 20 năm | Lương Hồng Chung                    |  |
| 06. NV | Hồ sơ về công tác xây dựng chính quyền                                                                                             | 20 năm | Hoàng Quốc Chính                    |  |
| 07.NV  | Hồ sơ về địa giới hành chính (thành lập mới, nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới hành chính trên địa bàn được phân cấp)           | 20 năm | Hoàng Quốc Chính<br>Nguyễn Văn Đình |  |
| 08.NV  | Hồ sơ về công tác cải cách hành chính                                                                                              | 10 Năm | Vũ Thị Lan Hương                    |  |
| 09.NV  | Tài liệu quản lý nhà nước về công tác văn thư- lưu trữ                                                                             | 10 Năm | Vũ Thị Lan Hương                    |  |
| 10.NV  | Tài liệu về việc hướng dẫn, tổ chức thực hiện, kết quả kiểm tra việc thực hiện pháp luật về dân chủ cơ sở                          | 10 Năm | Nguyễn Văn Đình                     |  |
| 11.NV  | Tài liệu quản lý nhà nước về công tác tôn giáo                                                                                     | 10 Năm | Nguyễn Văn Đình                     |  |
| 12.NV  | Hồ sơ về công tác thi đua khen thưởng                                                                                              | 10 Năm | Phạm Thu Hiền                       |  |
| 13.NV  | Hồ sơ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ                                                                                                    | 20 Năm | Lương Hồng Chung                    |  |
| 14.NV  | Hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc diện UBND đặc khu quản lý                                                                 | 20 năm | Lương Hồng Chung                    |  |
| 15.NV  | Hồ sơ về quy định, hướng dẫn thực hiện các chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức                                 | 20 năm | Lương Hồng Chung                    |  |
| 16.NV  | Hồ sơ về bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, điều động cán bộ, chuyên viên thuộc UBND đặc khu quản lý                               | 20 năm | Lương Hồng Chung                    |  |
| 17.NV  | Hồ sơ kỷ luật cán bộ                                                                                                               | 50 năm | Nguyễn Thị Hồng Hạnh                |  |
| 18.NV  | Hồ sơ đánh giá cán bộ, công chức thuộc diện UBND                                                                                   | 50 Năm | Vũ Thị Lan Hương                    |  |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                       | Thời hạn bảo quản                     | Người lập hồ sơ      | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------|----------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                 | 3                                     | 4                    | 5       |
|                     | đặc khu quản lý                                                                                                                                                                   |                                       |                      |         |
| 19.NV               | Hồ sơ thi tuyển, nâng ngạch, chuyển ngạch công chức, viên chức thuộc thẩm quyền                                                                                                   | 70 năm                                | Bùi Dương Bình       |         |
| 20.NV               | Hồ sơ CBCC; nhập phần mềm HS QLCBCC                                                                                                                                               | 20 năm                                | Phạm Thu Hiền        |         |
| 21.NV               | Hồ sơ về công tác phòng chống các tệ nạn xã hội                                                                                                                                   | 20 năm                                | Hoàng Văn Anh        |         |
| 22.NV               | Hồ sơ về người hoạt động kháng chiến có huân, huy chương                                                                                                                          | 20 năm                                | Nguyễn Mỹ Quỳnh Trâm |         |
| 23.NV               | Hồ sơ về công tác bảo trợ xã hội                                                                                                                                                  | 20 năm                                | Hoàng Văn Anh        |         |
| 24.NV               | Hồ sơ về chương trình hành động bảo vệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn                                                                                                      | 20 năm                                | Phạm Phương Thảo     |         |
| 25.NV               | Tài liệu, bản đồ về công tác quy tập mộ liệt sỹ trên địa bàn huyện                                                                                                                | 20 năm                                | Nguyễn Mỹ Quỳnh Trâm |         |
| 26.NV               | Hồ sơ, tài liệu về hoạt động của các Quỹ do UBND huyện quản lý (Quỹ đền ơn đáp nghĩa)                                                                                             | 20 năm                                | Nguyễn Mỹ Quỳnh Trâm |         |
| 27.NV               | Hồ sơ kiểm tra việc thực hiện bộ Luật Lao động                                                                                                                                    | 20 năm                                | Nguyễn Trình Anh     |         |
| 28.NV               | Hồ sơ hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng)                                                                      | 20 năm                                | Hoàng Văn Anh        |         |
| 29.NV               | Hồ sơ thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội (người khuyết tật, người khuyết tật mang thai nuôi con dưới 36 tháng tuổi) | 20 năm                                | Hoàng Văn Anh        |         |
| 30.NV               | Hồ sơ thực hiện trợ cấp xã hội hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú                                                                                                       | 20 năm                                | Hoàng Văn Anh        |         |
| 31.NV               | Hồ sơ hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng bảo trợ xã hội (bao gồm cả đối tượng người khuyết tật đặc biệt)                                                              | 20 năm                                | Hoàng Văn Anh        |         |
| 32.NV               | Hồ sơ cấp Giấy giới thiệu thăm viếng mộ liệt sỹ và hỗ trợ thăm viếng mộ liệt sỹ                                                                                                   | 20 năm                                | Nguyễn Mỹ Quỳnh Trâm |         |
| 33.NV               | Hồ sơ tiếp nhận người có công và thân nhân từ nơi khác chuyển đến                                                                                                                 | 20 năm                                | Nguyễn Mỹ Quỳnh Trâm |         |
| 38.NV               | Hồ sơ xây dựng chương trình công tác của phòng                                                                                                                                    | 20 năm                                | Hà My                |         |
| 39.VH-KH-TT         | Hồ sơ xét duyệt đề án, đề tài, chuyên đề, sáng kiến KH và CN phục vụ bình xét thi đua                                                                                             | 20 Năm                                | Nguyễn Thị Xinh      |         |
| 40. VH-KH-TT        | Hồ sơ hệ thống QLCL theo Tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015                                                                                                                            | 20 năm                                | Hà My                |         |
| 41.VH-KH-TT         | Hồ sơ về việc công bố và đánh giá nội bộ hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015                                                                                         | 20 năm                                | Hà My                |         |
| 42.VH-KH-TT         | Hồ sơ văn bản QPPL lĩnh vực Thông tin-Truyền thông                                                                                                                                | đến khi vẫn bản hết hiệu lực thi hành | Bùi Tuấn Duy         |         |
| 43.VH-KH-TT         | Hồ sơ các đề án, dự án, chương trình mục tiêu, quy hoạch phát triển thuộc lĩnh vực Thông tin-Truyền thông                                                                         | Vĩnh viễn                             | Bùi Tuấn Duy         |         |
| 44.VH-KH-TT         | Tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền lĩnh vực Thông tin-Truyền thông                                                                                                                 | 20 năm                                | Bùi Tuấn Duy         |         |
| 45.VH-KH-TT         | Phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm lĩnh vực Thông tin-Truyền thông<br>- Vụ việc nghiêm trọng<br>- Vụ việc khác                                                           | 20 năm                                | Bùi Tuấn Duy         |         |
| 46.VH-KH-TT         | Công tác thông tin cơ sở                                                                                                                                                          | 10 năm                                | Bùi Tuấn Duy         |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                              | Thời hạn bảo quản                              | Người lập hồ sơ                  | Ghi chú |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                        | 3                                              | 4                                | 5       |
| 47.VH-KH-TT         | Công tác thông tin đối ngoại                                                                                                                                                                             | 10 năm                                         | Nguyễn Thị Xinh                  |         |
| 48.VH-KH-TT         | Hoạt động xuất bản, in, phát hành                                                                                                                                                                        | 10 năm                                         | Bùi Tuấn Duy                     |         |
| 49.VH-KH-TT         | Quản lý tổ chức thực hiện hoạt động viễn thông, Internet, trạm BTS                                                                                                                                       | 10 năm                                         | Bùi Tuấn Duy                     |         |
| 50.VH-KH-TT         | Quản lý tổ chức thực hiện hoạt động sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện<br>- Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo năm<br>- Báo cáo tháng, quý, công văn trao đổi              | 10 năm                                         | Bùi Tuấn Duy                     |         |
| 51.VH-KH-TT         | Ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của CQNN, chính quyền số và đảm bảo an toàn thông tin mạng<br>- Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo<br>- Báo cáo tháng, quý, công văn trao đổi | 10 năm                                         | Bùi Tuấn Duy                     |         |
| 52.VH-KH-TT         | Chữ ký số chuyên dùng Chính phủ<br>- Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo<br>- Báo cáo tháng, quý, công văn trao đổi<br>- Hồ sơ cấp mới, gia hạn, thu hồi chứng thư số                       | 10 năm<br>10 năm                               | Bùi Tuấn Duy                     |         |
| 53.VH-KH-TT         | Cổng Thông tin điện tử huyện<br>- Văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, báo cáo<br>- Báo cáo tháng, quý, công văn trao đổi<br>- Tổng hợp, chỉ trả nhuận bút 6 tháng                                   | 10 năm<br>20 năm                               | Hoàng Xuân Thủy                  |         |
| 54.VH-KH-TT         | Xây dựng HTQLCL theo TCVN ISO: 9001:2015 lĩnh vực lĩnh vực Văn hóa cơ sở; Thư viện; Gia đình; Viễn thông-Internet; Xuất bản, In, Phát hành                                                               | 20 năm                                         | Bùi Tuấn Duy;<br>Phạm Thanh Thúy |         |
| 55.VH-KH-TT         | Giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực Văn hóa cơ sở; Thư viện; Gia đình; Viễn thông-Internet; Xuất bản, In, Phát hành                                                                                   | 20 năm                                         | Bùi Tuấn Duy<br>Phạm Thanh Thúy  |         |
| 56.VH-KH-TT         | Văn bản chỉ đạo chung của cơ quan Trung ương về lĩnh vực du lịch.                                                                                                                                        | Đến khi<br>văn bản hết<br>hiệu lực thi<br>hành | Vũ Thị Thanh                     |         |
| 57.VH-KH-TT         | Văn bản chỉ đạo của thành phố, của đặc khu về lĩnh vực du lịch trên địa bàn.                                                                                                                             | 20 năm                                         | Vũ Thị Thanh                     |         |
| 58.VH-KH-TT         | Chương trình, kế hoạch, báo cáo hàng năm về lĩnh vực du lịch trên địa bàn:<br>(Hàng năm; 6 tháng, 9 tháng; quý, tháng)                                                                                   | 20 năm<br>5 năm                                | Vũ Thị Thanh                     |         |
| 59.VH-KH-TT         | Xây dựng các chỉ tiêu về lĩnh vực du lịch                                                                                                                                                                | 20 năm                                         | Vũ Thị Thanh                     |         |
| 60.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về quy hoạch du lịch, quản lý hoạt động kinh doanh du lịch, dịch vụ trên địa bàn                                                                                                         | Vĩnh viễn                                      | Vũ Thị Thanh                     |         |
| 61.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về phát triển cơ sở hạ tầng du lịch, các dự án du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, các tua, tuyến du lịch...                                                                           | Vĩnh viễn                                      | Vũ Thị Thanh                     |         |
| 62.VH-KH-TT         | Phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm lĩnh vực du lịch                                                                                                                              | 20 năm                                         | Vũ Thị Thanh                     |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                              | Thời hạn bảo quản                                                                     | Người lập hồ sơ                                                              | Ghi chú |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                        | 3                                                                                     | 4                                                                            | 5       |
| 63.VH-KH-TT         | Phối hợp tổ chức tập huấn, hướng dẫn, tuyên truyền về lĩnh vực du lịch                                                                                   | 20 năm                                                                                | Vũ Thị Thanh                                                                 |         |
| 64.VH-KH-TT         | Công văn trao đổi về lĩnh vực du lịch                                                                                                                    | 10 năm                                                                                | Vũ Thị Thanh                                                                 |         |
| 65.VH-KH-TT         | Thi đua khen thưởng lĩnh vực du lịch                                                                                                                     | 10 năm                                                                                | Vũ Thị Thanh                                                                 |         |
| 66.VH-KH-TT         | Hồ sơ tài liệu công tác Kế toán                                                                                                                          | Thời hạn bảo quản theo quy định riêng của Bộ Tài chính (Thông tư số 155/2013/T-T-BTC) | Trần Thị Hạt                                                                 |         |
| 67.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về quản lý văn hóa                                                                                                                       | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 68.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực gia đình                                                                                                                     | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 69.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực thể dục thể thao                                                                                                             | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 70.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu Đội Kiểm tra liên ngành Văn hóa-Du lịch và Thông tin-Truyền thông                                                                        | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 71.VH-KH-TT         | Hồ sơ hội nghị tổng kết, sơ kết lĩnh vực Văn hóa-Thông tin-Thể thao và Du lịch                                                                           | 20 năm                                                                                | Phạm Trí Tuyến                                                               |         |
| 72.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực văn hóa cơ sở                                                                                                                | Vĩnh viễn<br>20 năm<br>5 năm                                                          | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 73.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực lễ hội                                                                                                                       | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 74.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực di tích, di sản                                                                                                              | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 75.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực tuyên truyền, quảng cáo                                                                                                      | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 76.VH-KH-TT         | Hồ sơ, tài liệu về lĩnh vực đặt tên đường phố                                                                                                            | 20 năm<br>5 năm                                                                       | Phạm Thanh Thúy                                                              |         |
| 77.GĐ-ĐT            | Tập văn bản quy định, hướng dẫn về công tác giáo dục và đào tạo gửi chung đến các cơ quan, đơn vị (hồ sơ nguyên tắc)                                     | Theo hiệu lực văn bản                                                                 | Ngô Thị Hồng Châm<br>Trần Việt Bắc<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Nguyễn Thị Hồng Dư |         |
| 78.GĐ-ĐT            | Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo dài hạn, 5 năm, hàng năm               | 20 năm                                                                                | Ngô Thị Hồng Châm<br>Trần Việt Bắc                                           |         |
| 79.GĐ-ĐT            | Hồ sơ cho phép thành lập, sát nhập, chia tách, giải thể, hoạt động giáo dục đối với các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc quyền quản lý của UBND huyện | Vĩnh viễn                                                                             | Ngô Thị Hồng Châm<br>Trần Việt Bắc<br>Phạm Thị Hồng Kỳ                       |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                               | Ghi chú |
|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                          | 3                 | 4                                                                             | 5       |
| 80.GĐ-ĐT            | Hồ sơ xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động giáo dục và đào tạo                                                         | Vĩnh viễn         | Ngô Thị Hồng Chăm<br>Trần Việt Bắc<br>Phạm Thị Hồng Kỳ                        |         |
| 81.GĐ-ĐT            | Kế hoạch nhiệm vụ năm học; báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch nhiệm vụ năm học                                                                                           | Vĩnh viễn         | Ngô Thị Hồng Chăm<br>Trần Việt Bắc<br>Phạm Thị Hồng Kỳ                        |         |
| 82.GĐ-ĐT            | Kế hoạch đào tạo đối với khóa học, năm học; báo cáo tổng kết năm học, khóa học và bản lưu các báo cáo liên quan đến đào tạo gửi cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền     | Vĩnh viễn         | Ngô Thị Hồng Chăm<br>Trần Việt Bắc<br>Phạm Thị Hồng Kỳ                        |         |
| 83.GĐ-ĐT            | Số liệu thống kê giáo dục hàng năm, nhiều năm                                                                                                                              | Vĩnh viễn         | Đoàn Ánh Tuyết<br>Ngô Thị Hồng Chăm<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Nguyễn Thị Hồng Dư |         |
| 84.GĐ-ĐT            | Hồ sơ kiểm tra các hoạt động giáo dục và đào tạo                                                                                                                           | 20 năm            | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết                                               |         |
| 85.GĐ-ĐT            | Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sát nhập, chia tách, giải thể trường mầm non, trường mẫu giáo, nhà trẻ. | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 86.GĐ-ĐT            | Hồ sơ công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia                                                                                                                          | 20 năm            | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 87.GĐ-ĐT            | Hồ sơ thành lập hội đồng trường mầm non công lập                                                                                                                           | 20 năm            | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 88.GĐ-ĐT            | Hồ sơ thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập                                                                                             | 20 năm            | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 89.GĐ-ĐT            | Hồ sơ đăng ký hoạt động nhóm trẻ đối với những nơi mạng lưới cơ sở giáo dục mầm non chưa đáp ứng đủ nhu cầu đưa trẻ tới trường, lớp                                        | 20 năm            | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 90.GĐ-ĐT            | Hồ sơ công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi                                                                                               | 10 năm            | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 91.GĐ-ĐT            | Hồ sơ quản lý trẻ em của cơ sở giáo dục mầm non                                                                                                                            | 5 năm             | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 92.GĐ-ĐT            | Hồ sơ quản lý trẻ em học hòa nhập của cơ sở giáo dục mầm non                                                                                                               | 5 năm             | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 93.GĐ-ĐT            | Hồ sơ quản lý bán trú của cơ sở giáo dục mầm non                                                                                                                           | 5 năm             | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 94.GĐ-ĐT            | Hồ sơ quản lý chuyên môn của cơ sở giáo dục mầm non                                                                                                                        | 5 năm             | Phạm Thị Hồng Kỳ                                                              |         |
| 95.GĐ-ĐT            | Hồ sơ thành lập hoặc cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục, sát nhập, chia tách, giải thể cơ sở giáo dục phổ thông.                 |                   | Trần Việt Bắc<br>Ngô Thị Hồng Chăm                                            |         |
| 96.GĐ-ĐT            | Hồ sơ công nhận trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia                                                                                                                        | 20 năm            | Trần Việt Bắc<br>Ngô Thị Hồng Chăm                                            |         |
| 97.GĐ-ĐT            | Hồ sơ công nhận trường tiểu học đạt mức chất lượng tối thiểu                                                                                                               | 20 năm            | Ngô Thị Hồng Chăm                                                             |         |
| 98.GĐ-ĐT            | Hồ sơ thành lập hội đồng trường đối với cơ sở giáo dục phổ thông công lập                                                                                                  | 20 năm            | Trần Việt Bắc<br>Ngô Thị Hồng Chăm                                            |         |
| 99.GĐ-ĐT            | Hồ sơ công nhận đặc khu đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở                                                                                               | 10 năm            | Ngô Thị Hồng Chăm<br>Đoàn Ánh Tuyết                                           |         |
| 100.GĐ-ĐTT          | Hồ sơ tuyển sinh cấp tiểu học                                                                                                                                              | Hết khóa          | Ngô Thị Hồng Chăm                                                             |         |
| 101.GĐ-ĐT           | Hồ sơ tuyển sinh trung học cơ sở                                                                                                                                           | Hết khóa          | Đoàn Ánh Tuyết                                                                |         |
| 102.GĐ-ĐT           | Tài liệu về xét công nhận tốt nghiệp trung học cơ sở                                                                                                                       |                   | Trần Việt Bắc                                                                 |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                 | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                           | Ghi chú |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                           | 3                 | 4                                                         | 5       |
|                     |                                                                                                             |                   | Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư                      |         |
|                     | - Quyết định công nhận tốt nghiệp, danh sách người học được công nhận tốt nghiệp                            | Vĩnh viễn         |                                                           |         |
|                     | - Các tài liệu khác có liên quan đến xét công nhận tốt nghiệp                                               | 2 năm             |                                                           |         |
| 103.GĐ-ĐT           | Hồ sơ cuộc thi Khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học                                                |                   | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư     |         |
|                     | - Danh sách dự án, thí sinh đoạt giải                                                                       | Vĩnh viễn         |                                                           |         |
|                     | - Quyết định thành lập đội tuyển (lưu tại đơn vị dự thi)                                                    | Vĩnh viễn         |                                                           |         |
|                     | - Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải                                                                 | Vĩnh viễn         |                                                           |         |
|                     | - Dự án dự thi: Báo cáo tóm tắt, Báo cáo kết quả nghiên cứu                                                 |                   |                                                           |         |
|                     | + Đoạt giải cấp quốc gia                                                                                    | Vĩnh viễn         |                                                           |         |
|                     | + Đoạt giải cấp trường, tỉnh, đặc khu                                                                       | 10 năm            |                                                           |         |
|                     | - Các liệu khác liên quan đến cuộc thi                                                                      | 2 năm             |                                                           |         |
| 104.GĐ-ĐT           | Tài liệu về quản lý cơ sở giáo dục thường xuyên và các hoạt động giáo dục thường xuyên                      |                   | Đoàn Ánh Tuyết                                            |         |
| 105.GĐ-ĐT           | Hồ sơ đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập”                                                                | 10 năm            | Nguyễn Thị Hồng Dư                                        |         |
| 106.GĐ-ĐT           | Hồ sơ công nhận huyện đạt chuẩn xóa mù chữ                                                                  | 10 năm            | Ngô Thị Hồng Châm<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Đoàn Ánh Tuyết   |         |
| 107.GĐ-ĐT           | Hồ sơ chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ                                                                | Vĩnh viễn         | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư     |         |
| 108.GĐ-ĐT           | Hồ sơ cấp phôi bằng tốt nghiệp trung học cơ sở                                                              | Vĩnh viễn         | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết                           |         |
| 109.GĐ-ĐT           | Sổ gốc cấp văn bằng tốt nghiệp trung học cơ sở                                                              | Vĩnh viễn         | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết                           |         |
| 110.GĐ-ĐT           | Sổ cấp bản sao văn bằng tốt nghiệp từ sổ gốc                                                                | Vĩnh viễn         | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết                           |         |
| 111.GĐ-ĐT           | Sổ gốc cấp chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân                                                         | Vĩnh viễn         | Trần Việt Bắc<br>Đoàn Ánh Tuyết                           |         |
| 112.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xét cấp kinh phí hỗ trợ chi phí học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh và sinh viên                   | 10 năm            | Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư  |         |
| 113.GĐ-ĐT           | Báo cáo đánh giá, tổng hợp tình hình đạo đức, lối sống của học sinh, sinh viên theo từng thời kỳ và năm học | Vĩnh viễn         | Đoàn Ánh Tuyết                                            |         |
| 114.GĐ-ĐT           | Hồ sơ khen thưởng và công nhận các danh hiệu đối với học sinh                                               | 10 năm            | Ngô Thị Hồng Châm<br>Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư |         |
| 115.GĐ-ĐT           | Hồ sơ chuyển trường đối với học sinh                                                                        | Hết khóa          | Đoàn Ánh Tuyết                                            |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                         | Ghi chú |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|---------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                          | 3                 | 4                                                       | 5       |
| 116.GĐ-ĐT           | Hồ sơ Hội khỏe Phù Đổng, các giải giải thi đấu thể dục thể thao, văn nghệ trong học sinh.                                                                                                  |                   | Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư                    |         |
|                     | - Danh sách thí sinh đạt giải                                                                                                                                                              | Vĩnh viễn         | Đoàn Ánh Tuyết                                          |         |
| 117.GĐ-ĐT           | - Sổ cấp giấy chứng nhận học sinh đoạt giải                                                                                                                                                | Vĩnh viễn         | Đoàn Ánh Tuyết                                          |         |
| 118.GĐ-ĐT           | - Hồ sơ đăng ký dự thi                                                                                                                                                                     | 1 năm             | Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư                    |         |
| 119.GĐ-ĐT           | - Các tài liệu khác có liên quan đến Hội khỏe Phù Đổng, các giải thi đấu thể dục thể thao, văn nghệ trong học sinh.                                                                        | 2 năm             | Đoàn Ánh Tuyết<br>Nguyễn Thị Hồng Dư                    |         |
| 120.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xây dựng và ban hành quy hoạch, kế hoạch phát triển viên chức, nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục                                                                               | Vĩnh viễn         | Trần Việt Bắc                                           |         |
| 121.GĐ-ĐT           | Hồ sơ thi giáo viên dạy giỏi, giáo viên chủ nhiệm giỏi, cán bộ quản lý giỏi .                                                                                                              | Vĩnh viễn         | Đoàn Ánh Tuyết<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Ngô Thị Hồng Châm |         |
|                     | - Quyết định công nhận, danh sách giáo viên, cán bộ quản lý đạt danh hiệu                                                                                                                  | Vĩnh viễn         | Đoàn Ánh Tuyết<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Ngô Thị Hồng Châm |         |
|                     | - Sáng kiến kinh nghiệm đạt giải                                                                                                                                                           | 10 năm            | Đoàn Ánh Tuyết<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Ngô Thị Hồng Châm |         |
|                     | - Hồ sơ đăng ký dự thi                                                                                                                                                                     | 1 năm             | Đoàn Ánh Tuyết<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Ngô Thị Hồng Châm |         |
|                     | - Bài thi, bài thực hành                                                                                                                                                                   | 2 năm             | Đoàn Ánh Tuyết<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Ngô Thị Hồng Châm |         |
|                     | - Các tài liệu khác có liên quan đến cuộc thi                                                                                                                                              | 2 năm             | Đoàn Ánh Tuyết<br>Phạm Thị Hồng Kỳ<br>Ngô Thị Hồng Châm |         |
| 122.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xây dựng phương hướng, chính sách đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em trong ngành                                                                  | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Hồng Kỳ                                        |         |
| 123.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xây dựng quy hoạch, kế hoạch dài hạn, 5 năm, hàng năm về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em trong ngành                                                             | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Hồng Kỳ                                        |         |
| 124.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xác định cơ cấu đầu tư, các chính sách đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em đảm bảo chất lượng giáo dục và đào tạo                                             | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Hồng Kỳ                                        |         |
| 125.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xây dựng và đề nghị cấp có thẩm quyền công bố tiêu chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em phù hợp với yêu cầu giáo dục và tâm sinh lý lứa tuổi trẻ em | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Hồng Kỳ                                        |         |
| 126.GĐ-ĐT           | Hồ sơ xây dựng cơ sở dữ liệu về đầu tư phát triển cơ sở vật chất, thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em                                                                                      | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Hồng Kỳ                                        |         |
| 127.YT              | Hồ sơ quản lý quản lý về y tế dự phòng; công tác phòng, chống tác hại thuốc lá; công tác phòng, chống tác hại rượu bia                                                                     | 20 năm            | Nguyễn Tiến Dũng                                        |         |
| 128.YT              | Hồ sơ quản lý về khám bệnh, chữa bệnh - phục hồi chức năng                                                                                                                                 | 20 năm            | Nguyễn Tiến Dũng                                        |         |
| 129.YT              | Hồ sơ quản lý về y dược cổ truyền                                                                                                                                                          |                   | Nguyễn Tiến Dũng                                        |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ                         | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                      | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                     | Ghi chú |
|---------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------------------------|---------|
| 1                                           | 2                                                                                                                                                | 3                 | 4                                   | 5       |
| 130.YT                                      | Hồ sơ quản lý về trang thiết bị y tế                                                                                                             | 20 năm            | Nguyễn Tiến Dũng                    |         |
| 131.YT                                      | Hồ sơ quản lý về dược                                                                                                                            | 20 năm            | Nguyễn Tiến Dũng                    |         |
| 130.YT                                      | Hồ sơ quản lý về hành nghề y, dược tư nhân                                                                                                       | 20 năm            | Nguyễn Tiến Dũng                    |         |
| 132.YT                                      | Hồ sơ quản lý an toàn thực phẩm                                                                                                                  | 20 năm            | Nguyễn Tiến Dũng                    |         |
| <b>III. LĨNH VỰC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND</b> |                                                                                                                                                  |                   |                                     |         |
| 01.VP                                       | Hồ sơ tổ chức thực hiện Công tác Văn thư - Lưu trữ cơ quan (Thống kê, thu thập, bổ sung ..)                                                      | 20 năm            | Phạm Thị Kim Huế;<br>Nguyễn Thị Thu |         |
| 02.VP                                       | Hồ sơ tập lưu văn bản đi của UBND đặc khu<br>- Quyết định, Thông Báo, Chỉ thị, Kế hoạch, Báo cáo<br>- Các loại văn bản khác                      | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Kim Huế                    |         |
| 03.VP                                       | Hồ sơ tập lưu văn bản đi của HĐND đặc khu<br>- Nghị Quyết, Quyết định, Thông Báo, Chỉ thị, Kế hoạch, Báo cáo<br>- Các loại văn bản khác          | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Kim Huế                    |         |
| 04.VP                                       | Hồ sơ tập lưu văn bản đi của Văn phòng HĐND và UBND đặc khu<br>- Quyết định, Thông Báo, Kế hoạch, Báo cáo<br>- Các loại văn bản khác             | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 05.VP                                       | Hồ sơ lưu Sổ đăng ký văn bản đi - đến của HĐND và UBND; Văn phòng HĐND và UBND đặc khu                                                           | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 06.VP                                       | Hồ sơ lưu bản sao văn bản, Sổ đăng ký bản sao văn bản                                                                                            | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 07.VP                                       | Hồ sơ lưu Sổ ký nhận chuyển giao văn bản tài liệu; Sổ sử dụng bản lưu của HĐND và UBND; Văn phòng HĐND và UBND đặc khu                           | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 08.VP                                       | Hồ sơ tập lưu văn bản mật đi của HĐND và UBND đặc khu; Văn phòng HĐND và UBND đặc khu                                                            | 30 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 09.VP                                       | Hồ sơ tập lưu văn bản mật đến của HĐND và UBND đặc khu; Văn phòng HĐND và UBND đặc khu                                                           | 30 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 10.VP                                       | Hồ sơ lưu Sổ đăng ký bí mật nhà nước đi - đến của HĐND và UBND đặc khu; Văn phòng HĐND và UBND đặc khu                                           | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 11.VP                                       | Hồ sơ lưu Sổ chuyển giao, sổ quản lý sao chụp, sổ gửi Bưu điện tài liệu bí mật nhà nước của HĐND và UBND đặc khu; Văn phòng HĐND và UBND đặc khu | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 12.VP                                       | Hồ sơ lập, ban hành Danh mục hồ sơ hằng năm của cơ quan                                                                                          | 10 năm            | Phạm Thị Kim Huế                    |         |
| 13.VP                                       | Hồ sơ quản lý sử dụng con dấu, thiết bị lưu khóa bí mật                                                                                          | 20 năm            | Phạm Thị Kim Huế; Đỗ Thị Hoa Mai    |         |
| 14.VP                                       | Hồ sơ Biên bản bàn giao tập lưu tài liệu                                                                                                         | Vĩnh viễn         | Phạm Thị Kim Huế                    |         |
| 15.VP                                       | Hồ sơ về tiêu hủy tài liệu lưu trữ                                                                                                               | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 16.VP                                       | Hồ sơ về thực hiện các nhiệm vụ bảo quản tài liệu lưu trữ                                                                                        | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |
| 17.VP                                       | Hồ sơ phục vụ sử dụng tài liệu lưu trữ                                                                                                           | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu                      |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ | Ghi chú |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                          | 3                 | 4               | 5       |
| 18.VP               | Hồ sơ về việc mang tài liệu lưu trữ ra ngoài lưu trữ hiện hành/ lưu trữ lịch sử                            | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu  |         |
| 19.VP               | Hồ sơ về việc cấp bản sao y, chứng thực tài liệu lưu trữ                                                   | 20 năm            | Nguyễn Thị Thu  |         |
| 20.VP               | Hồ sơ về việc mua tài liệu, tiếp, nhận tài liệu tư do các tổ chức, cá nhân tặng                            | Vĩnh viễn         | Nguyễn Thị Thu  |         |
| 21.VP               | Hồ sơ xây dựng, ban hành báo cáo tổng hợp, chuyên đề năm, nhiều năm                                        |                   | Nguyễn Hà Thu   |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                              | Vĩnh viễn         |                 |         |
|                     | - Của đơn vị trực thuộc                                                                                    | 05 năm            |                 |         |
| 22.VP               | Hồ sơ xây dựng, ban hành báo cáo tổng hợp, chuyên đề 6 tháng, 9 tháng                                      |                   | Nguyễn Hà Thu   |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                              | 10 năm            |                 |         |
|                     | - Của đơn vị trực thuộc                                                                                    | 02 năm            |                 |         |
| 23.VP               | Hồ sơ xây dựng, ban hành báo cáo tổng hợp, chuyên đề tháng, quý                                            |                   | Nguyễn Hà Thu   |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                              | 05 năm            |                 |         |
|                     | - Của đơn vị trực thuộc                                                                                    | 01 năm            |                 |         |
| 24.VP               | Hồ sơ hội nghị tổng kết, sơ kết công tác; chuyên đề; giao ban                                              |                   | Nguyễn Hà Thu   |         |
|                     | - Năm                                                                                                      | Vĩnh viễn         |                 |         |
|                     | - Quý, 6 tháng, 9 tháng                                                                                    | 10 năm            |                 |         |
| 25.VP               | Hồ sơ chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch                                                            |                   | Nguyễn Hà Thu   |         |
|                     | - Của cơ quan                                                                                              | 20 năm            |                 |         |
|                     | - Của đơn vị khác                                                                                          | 10 năm            |                 |         |
| 26.VP               | Hồ sơ Hội nghị công chức                                                                                   | 20 năm            | Nguyễn Hà Thu   |         |
| 27.ĐN               | Hồ sơ về việc đón tiếp các đoàn nước ngoài đến thăm làm việc tại địa phương                                | 20 năm            | Nguyễn Hà Thu   |         |
| 28.ĐN               | Hồ sơ về việc tổ chức các đoàn đi thăm và làm việc ở nước ngoài                                            | 20 năm            | Nguyễn Hà Thu   |         |
| 29.VP               | Hồ sơ về việc bãi bỏ văn bản trái pháp luật                                                                | Vĩnh viễn         | Hoàng Thị Nhịp  |         |
| 30.VP               | Hồ sơ về việc giám sát các cơ quan, tổ chức trong việc thi hành Hiến pháp, Luật và văn bản của cơ quan nhà | 20 năm            | Hoàng Thị Nhịp  |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ  | Ghi chú |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 3                 | 4                | 5       |
|                     | nước cấp trên về các lĩnh vực                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                   |                  |         |
| 31.VP               | Hồ sơ Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân; Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm, Bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân và chấp thuận việc đại biểu Hội đồng nhân dân thôi làm nhiệm vụ đại biểu | Vĩnh viễn         | Hoàng Thị Nhip   |         |
| 32.VP               | Hồ sơ, tài liệu về các kỳ họp, phiên họp, hội nghị giao ban của Hội đồng nhân dân và thường trực Hội đồng nhân dân                                                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn         | Hoàng Thị Nhip   |         |
| 33.VP               | Hồ sơ về việc lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân bầu                                                                                                                                                                                                         | 10 năm            | Hoàng Thị Nhip   |         |
| 34.VP               | Hồ sơ, tài liệu về việc tiếp xúc cử tri, giải quyết kiến nghị cử tri, lấy ý kiến nhân dân trên địa bàn                                                                                                                                                                                                           | 20 năm            | Hoàng Thị Nhip   |         |
| 35.KHAC             | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy chế, quy định, hướng dẫn về giải quyết khiếu nại, tố cáo của cơ quan                                                                                                                                                                                                                | 20 năm            | Đoàn Thanh Thiên |         |
| 36.KHAC             | Hồ sơ về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực                                                                                                                                                                                                                                                              | 20 năm            | Đoàn Thanh Thiên |         |
| 37.KHAC             | Hồ sơ giải quyết vụ việc khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                                                                                                                                                       |                   |                  |         |
|                     | - Vụ việc nghiêm trọng                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Vĩnh viễn         | Đoàn Thanh Thiên |         |
|                     | - Vụ việc khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 20 năm            | Đoàn Thanh Thiên |         |
| 38.KHAC             | Hồ sơ, tài liệu về việc chuyển, trả đơn thư khiếu nại, tố cáo không thuộc thẩm quyền giải quyết                                                                                                                                                                                                                  | 05 năm            | Đoàn Thanh Thiên |         |
| 39.KHAC             | Đơn từ khiếu nại tố cáo của cơ quan, tổ chức, công dân gửi đến nhưng không giải quyết                                                                                                                                                                                                                            | 05 năm            | Đoàn Thanh Thiên |         |
| 40.KHAC             | Hồ sơ tiếp công dân                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 05 năm            |                  |         |
| 41.KHAC             | Hồ sơ xử lý đơn                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                   | Đoàn Thanh Thiên |         |
| 42.KHAC             | Hồ sơ theo dõi, đơn đốc giải quyết đơn                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   | Hoàng Văn Khải   |         |
| 43.KHAC             | Hồ sơ xử lý đơn đề nghị (không thuộc nhóm đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh)                                                                                                                                                                                                                            |                   | Hoàng Văn Khải   |         |
| 44.KHAC             | Công văn trao đổi về công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo                                                                                                                                                                                                                                                       | 05 năm            | Hoàng Văn Khải   |         |
| 45.KHAC             | Hồ sơ, tài liệu đề xuất các biện pháp tăng cường kỷ cương, kỷ luật, nâng cao hiệu quả sử dụng thời giờ làm việc, phòng chống quan liêu, tham nhũng và các biểu hiện tiêu cực trong thực thi nhiệm vụ của công chức, viên chức                                                                                    | 20 năm            | Hoàng Văn Khải   |         |
| 46.TP               | Hồ sơ xây dựng, trình Ủy ban nhân dân đặc khu ban hành chương trình, kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật và tổ chức thực hiện sau khi chương trình, kế hoạch được ban hành                                                                                                                                     | Vĩnh viễn         | Hoàng Bảo Lâm    |         |
| 47.TP               | Hồ sơ theo dõi, hướng dẫn và kiểm tra công tác phổ                                                                                                                                                                                                                                                               | 05 năm            | Hoàng Bảo Lâm    |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                               | Thời hạn bảo quản | Người lập hồ sơ                                                 | Ghi chú |
|---------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                         | 3                 | 4                                                               | 5       |
|                     | biển giáo dục pháp luật tại địa phương.                                                                                                                   |                   |                                                                 |         |
| 48.TP               | Hồ sơ đơn đốc, kiểm tra trong việc tổ chức Ngày Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trên địa bàn.                                           | 10 năm            | Hoàng Bảo Lâm                                                   |         |
| 49.TP               | Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ của cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật đặc khu                                                   | Vĩnh viễn         | Hoàng Bảo Lâm                                                   |         |
| 50.TP               | Hồ sơ xây dựng, quản lý đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật theo quy định pháp luật, Hòa giải viên                                | Vĩnh viễn         | Trần Thị Thanh Châm                                             |         |
| 51.TP               | Hồ sơ hướng dẫn việc xây dựng, quản lý, khai thác tủ sách pháp luật ở các xã, thị trấn và ở các cơ quan, đơn vị khác trên địa bàn theo quy định pháp luật | 10 năm            | Trần Thị Thanh Châm                                             |         |
| 52.TP               | Hồ sơ tổ chức triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở.                                                                        | 10 năm            | Trần Thị Thanh Châm                                             |         |
| 53.TP               | Hồ sơ chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn việc tổ chức thực hiện công tác đăng ký và quản lý hộ tịch trên địa bàn;                                               | Vĩnh viễn         | Trần T. Thanh Châm,<br>Nguyễn Thị Viễn,<br>Nguyễn T. Thùy Dương |         |
| 54.TP               | Hồ sơ thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.                                                                                                  | Vĩnh viễn         | Trần T. Thanh Châm,<br>Nguyễn Thị Viễn,<br>Nguyễn T. Thùy Dương |         |
| 55.TP               | Hồ sơ quản lý, cập nhật, khai thác cơ sở dữ liệu hộ tịch và cấp bản sao trích lục hộ tịch.                                                                | Vĩnh viễn         | Trần T. Thanh Châm,<br>Nguyễn Thị Viễn,<br>Nguyễn T. Thùy Dương |         |
| 56.TP               | Hồ sơ quản lý, sử dụng Sổ hộ tịch, biểu mẫu hộ tịch; lưu trữ Sổ hộ tịch, hồ sơ đăng ký hộ tịch theo quy định pháp luật.                                   | Vĩnh viễn         | Trần T. Thanh Châm,<br>Nguyễn Thị Viễn,<br>Nguyễn T. Thùy Dương |         |
| 57.TP               | Hồ sơ thực hiện nhiệm vụ quản lý về nuôi con nuôi.                                                                                                        | Vĩnh viễn         | Trần T. Thanh Châm,<br>Nguyễn Thị Viễn,<br>Nguyễn T. Thùy Dương |         |
| 58.TP               | Hồ sơ, văn bản công tác chứng thực, chứng thực bản sao điện tử từ bản chính                                                                               | 5 năm             | Nguyễn Duy Huân;<br>Hoàng Thị Thảo                              |         |
| 59.TP               | Hồ sơ chứng thực chữ ký, chứng thực chứng thực hợp đồng, giao dịch.                                                                                       | Vĩnh viễn         | Nguyễn Duy Huân;<br>Hoàng Thị Thảo                              |         |
| 60.TP               | Hồ sơ quản lý, sử dụng Sổ chứng thực, lưu trữ Sổ chứng thực, hồ sơ chứng thực theo quy định pháp luật.                                                    | Vĩnh viễn         | Nguyễn Duy Huân;<br>Hoàng Thị Thảo                              |         |
| 61.TP               | Hồ sơ công khai thủ tục hành chính                                                                                                                        | 20 năm            | Nguyễn Thị Thùy Dương                                           |         |
| 62.VP               | Hồ sơ về quy hoạch; kế hoạch quản lý, sử dụng công chức, viên chức của cơ quan                                                                            | 20 năm            | Nguyễn Thị Minh Huyền                                           |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                     | Thời hạn bảo quản            | Người lập hồ sơ                  | Ghi chú |
|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                               | 3                            | 4                                | 5       |
| 63.VP               | Hồ sơ đánh giá cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                     | 20 năm                       | Nguyễn Thị Minh Huyền            |         |
| 64.VP               | Báo cáo thống kê về cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                | 20 năm                       | Nguyễn Thị Minh Huyền            |         |
| 65.VP               | Hồ sơ, tài liệu về quản lý, cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài;<br>Hồ sơ về kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức hằng năm | 20 năm                       | Nguyễn Thị Minh Huyền            |         |
| 66.VP               | Hồ sơ, tài liệu về việc quản lý cán bộ, công chức, viên chức đi nước ngoài về việc riêng                                                                                        | 10 năm                       | Nguyễn Thị Minh Huyền            |         |
| 67.VP               | Hồ sơ, tài liệu gốc cán bộ, công chức, viên chức                                                                                                                                | Vĩnh viễn                    | Nguyễn Thị Minh Huyền            |         |
| 68.TP               | Hồ sơ về xây dựng các kế hoạch, chương trình về công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật                                                                          | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 69.TP               | Hồ sơ thẩm định dự thảo nghị quyết, quyết định do UBND đặc khu chủ trì soạn thảo                                                                                                | Vĩnh viễn                    | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 70.TP               | Hồ sơ thẩm định dự thảo nghị quyết, quyết định do các cơ quan khác chủ trì soạn thảo                                                                                            | Vĩnh viễn                    | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 71.TP               | Hồ sơ về việc góp ý các dự án, dự thảo VBQPPL của cơ quan nhà nước (thành phố, Trung ương)                                                                                      | 10 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 72.TP               | Hồ sơ về kiểm tra, xử lý văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND đặc khu ban hành                                                                                              | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 73.TP               | Hồ sơ, tài liệu về xây dựng cơ cấu, tổ chức bộ máy của cơ quan, tổ chức được phê duyệt                                                                                          | Vĩnh viễn                    | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 74.TP               | Hồ sơ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức                                                                                                                   | Vĩnh viễn                    | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 75.TP               | Hồ sơ thẩm định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức                                                                                                                | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 76.TP               | Hồ sơ về rà soát văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                     | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 77.TP               | Hồ sơ về hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật                                                                                                                                | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 78.TP               | Biên tập văn bản các cấp (thành phố, Trung ương) hướng dẫn về công tác quản lý xử phạt vi phạm chính chính                                                                      | Đến khi văn bản hết hiệu lực | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 79.TP               | Hồ sơ cho ý kiến về vụ việc xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                            | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                           | Thời hạn bảo quản            | Người lập hồ sơ                  | Ghi chú |
|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|----------------------------------|---------|
| 1                   | 2                                                                                                                                                                                                     | 3                            | 4                                | 5       |
| 80.TP               | Hồ sơ về phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính                                                                                                                             | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 81.TP               | Hồ sơ tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra (định kỳ, chuyên đề, đột xuất) về công tác xử lý vi phạm hành chính                                                                                    | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 82.TP               | Biên tập văn bản các cấp (thành phố, Trung ương) hướng dẫn về công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật                                                                                          | Đến khi văn bản hết hiệu lực | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 83.TP               | Hồ sơ về phổ biến, tập huấn, hướng dẫn nghiệp vụ theo dõi tình hình thi hành pháp luật                                                                                                                | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 84.TP               | Hồ sơ tổ chức thực hiện các hoạt động kiểm tra về công tác theo dõi thi hành pháp luật                                                                                                                | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 85.TP               | Hồ sơ giải quyết vụ việc về công tác theo dõi thi hành pháp luật                                                                                                                                      | 20 năm                       | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 86.TP               | Hồ sơ thi hành án dân sự, thi hành án hành chính                                                                                                                                                      | Vĩnh viễn                    | Hoàng Bảo Lâm<br>Nguyễn Tuấn Đạt |         |
| 87.VP               | Hồ sơ về giao, bổ sung, điều chỉnh, phân bổ và thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng năm của cơ quan                                                                                              | Vĩnh viễn                    | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |
| 88.VP               | Hồ sơ theo dõi thực hiện thang, bảng lương, chế độ phụ cấp                                                                                                                                            | 20 năm                       | Nguyễn Thị Đạt                   |         |
| 89.VP               | Hồ sơ xếp lương, chuyển xếp lại hệ số lương, nâng lương, nâng phụ cấp thâm niên của cán bộ, công chức                                                                                                 | 20 năm                       | Nguyễn Thị Đạt                   |         |
| 90.VP               | Công văn trao đổi về tiền lương                                                                                                                                                                       | 05 năm                       | Nguyễn Thị Đạt                   |         |
| 91.VP               | Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định về tài chính, kế toán, kiểm toán của cơ quan                                                                                                                        | Vĩnh viễn                    | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |
| 92.VP               | Hồ sơ kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định (không phải nhà, đất)                                                                                                                                     | 20 năm                       | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |
| 93.VP               | Hồ sơ về việc quyết định mua sắm, xác lập quyền sở hữu của nhà nước về tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, thuê, cho thuê, chuyển nhượng, tiêu hủy tài sản công và các hình thức xử lý khác | Vĩnh viễn                    | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |
| 94.VP               | Hồ sơ đấu thầu mua sắm thường xuyên tài sản, vật tư, thiết bị                                                                                                                                         | 20 năm                       | Lê Thùy Linh                     |         |
| 95.VP               | Hồ sơ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán tài chính tại cơ quan                                                                                                                                            | 5 năm                        | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |
| 96.VP               | Sổ kế toán của đơn vị                                                                                                                                                                                 | Vĩnh viễn                    | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |
| 97.VP               | Chứng từ thu, chi tài chính tại đơn vị                                                                                                                                                                | Vĩnh viễn                    | Đoàn Thị Phương Thảo             |         |

| Số và ký hiệu hồ sơ                                   | Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ                                                                                                                                                                      | Thời hạn bảo quản      | Người lập hồ sơ             | Ghi chú |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-----------------------------|---------|
| 1                                                     | 2                                                                                                                                                                                                | 3                      | 4                           | 5       |
| 98.VP                                                 | Hồ sơ về công khai tài chính, ngân sách hàng năm, hàng quý                                                                                                                                       | 10 năm                 | Nguyễn Thị Đạt              |         |
| 99.VP                                                 | Tổng hợp quyết toán thu chi thu, chi NSNS hàng năm                                                                                                                                               | Vĩnh viễn              | Đoàn Thị Phương Thảo        |         |
| 100.VP                                                | Hồ sơ về sử dụng, vận hành ô tô, máy móc thiết bị cơ quan                                                                                                                                        | Theo tuổi thọ thiết bị | Lê Thùy Linh                |         |
| 101.VP                                                | Sổ cấp phát đồ dùng, văn phòng phẩm                                                                                                                                                              | 05 năm                 | Lê Thùy Linh                |         |
| <b>IV. LĨNH VỰC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG</b> |                                                                                                                                                                                                  |                        |                             |         |
| 01.NV                                                 | Hồ sơ về thống kê, rà soát thủ tục hành chính nội bộ                                                                                                                                             | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 02.NV                                                 | Hồ sơ thực hiện rà soát, đơn giản hoá TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính Nhà nước                                                                                                     | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 03.NV                                                 | Hồ sơ thực hiện TTHC nội bộ trong cơ quan hành chính Nhà nước                                                                                                                                    | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 04.NV                                                 | Hồ sơ triển khai Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ; kết quả về việc rà soát, đánh giá, tái cấu trúc toàn bộ quy trình nghiệp vụ DVCTT trên Cổng dịch vụ công quốc gia | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 05.NV                                                 | Hồ sơ về rà soát, đánh giá TTHC                                                                                                                                                                  | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 06.NV                                                 | Hồ sơ thực hiện Công điện số 644/CĐ-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ                                                                                                                   | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 07.NV                                                 | Hồ sơ đơn đốc, rà soát TTHC nội bộ                                                                                                                                                               | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 08.NV                                                 | Hồ sơ về Kế hoạch Kiểm soát TTHC                                                                                                                                                                 | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 09.NV                                                 | Hồ sơ về cán bộ, công chức thực hiện công tác Kiểm soát thủ tục hành chính                                                                                                                       | 20 năm                 | Vũ Hữu Đạt, Nguyễn Thị Hạnh |         |
| 10.NV                                                 | Hồ sơ về tình hình tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính                                                                                                                                    | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 11.NV                                                 | Hồ sơ về thực hiện một số nhiệm vụ về công tác cải cách hành chính                                                                                                                               | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 12.NV                                                 | Hồ sơ về Báo cáo kiểm soát TTHC                                                                                                                                                                  | 20 năm                 | Hoàng Mạnh Tùng             |         |
| 13.NV                                                 | Hồ sơ về bỏ tiêu chí thành phần trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính của cấp xã                                                                                                                   | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 14.NV                                                 | Hồ sơ báo cáo phục vụ Đoàn làm việc về kiểm soát TTHC và bảo đảm thông tin phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ                                      | 20 năm                 | Công chức TTPVHCC           |         |
| 15.NV                                                 | Hồ sơ về hoạt động Bộ phận Một cửa                                                                                                                                                               | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 16.NV                                                 | Hồ sơ khai thác và bảo đảm an toàn thông tin cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư                                                                                                                    | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 17.NV                                                 | Hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến và xử lý phản ánh kiến nghị trên Cổng dịch vụ công Quốc gia                                                                                              | Vĩnh viễn              | Hoàng Mạnh Tùng             |         |
| 18.NV                                                 | Hồ sơ về nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ công trực tuyến                                                                                                                                      | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 19.NV                                                 | Hồ sơ về thực hiện dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Quốc gia                                                                                                                       | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 20.NV                                                 | Hồ sơ tăng cường công tác vận hành, khai thác Hệ thống thông tin giải quyết TTHC                                                                                                                 | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 21.NV                                                 | Hồ sơ thực hiện TTHC trên môi trường điện tử                                                                                                                                                     | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 22.NV                                                 | Hồ sơ về nâng cao hiệu quả, tăng tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến                                                                                                                           | Vĩnh viễn              | Công chức TTPVHCC           |         |
| 23. HC-TH                                             | Tập lưu văn bản đi                                                                                                                                                                               | 20 năm                 | Nguyễn Thị Hạnh             |         |

| <b>Số và ký hiệu hồ sơ</b> | <b>Tên đề mục và tiêu đề hồ sơ</b> | <b>Thời hạn bảo quản</b> | <b>Người lập hồ sơ</b> | <b>Ghi chú</b> |
|----------------------------|------------------------------------|--------------------------|------------------------|----------------|
| <i>1</i>                   | <i>2</i>                           | <i>3</i>                 | <i>4</i>               | <i>5</i>       |
| 24.HC-TH                   | Sổ đăng ký văn bản đi              | 20 năm                   | Nguyễn Thị Hạnh        |                |
| 25.HC-TH                   | Sổ đăng ký văn bản đến             | 20 năm                   | Nguyễn Thị Hạnh        |                |

Danh mục hồ sơ này có 352 hồ sơ, bao gồm:  
 124 hồ sơ bảo quản vĩnh viễn;  
 228 hồ sơ bảo quản có thời hạn.